TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/KDTM-ST
Ngày 21-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị H

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị B

Bà Lý Thị Thiên N

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức H - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hồng L - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 374/2023/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần VP; địa chỉ trụ sở: Số 22 đường 25, khu dân cư A, phường T, quận 7, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lương Nguyệt, nơi cư trú: Số 22 đường 25 KDC A, phường T, quận 7, thành phố H – Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Hàng Hải T; địa chỉ trụ sở: Phòng 1906 tầng 19, Trung tâm thương mại Cát Bi Plaza, phường L, quận N, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân Q, chức vụ giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2019 Công ty cổ phần VP (sau đây gọi tắt là V) và Công ty TNHH Thương Mại và Hàng Hải T (sau đây gọi tắt là T) đã ký kết Hợp đồng cung ứng nhiên liệu số 0101 VN -TB/HĐCU-2019. Theo Hợp đồng, V sẽ cung cấp các mặt hàng xăng dầu khi có Đơn đặt hàng của T.

Thực hiện hợp đồng được ký kết giữa hai bên, V đã cung cấp các mặt hàng xăng dầu đúng quy cách, số lượng theo các Đơn đặt hàng của T từ tháng 01 đến tháng 03/2019, tổng cộng 07 đơn, với tổng giá trị hàng hóa là 3.854.872.930 đồng. Tuy nhiên, T chỉ mới thanh toán 2.312.868.510 đồng. Đối với số tiền còn lại là 1.542.004.420 đồng, thuộc 3 đơn hàng ngày 21/02/2019, 07/03/2019, 13/03/2019, thì đến nay T vẫn chưa thanh toán cho V, cụ thể các đơn hàng chưa thanh toán như sau:

- Đơn đặt hàng ngày 21/02/2019, T yêu cầu cung cấp nhiên liệu, gồm 16.000 lít dầu DO và 01 phuy nhớt Resolub- Pro 40/C14 (200L), phương tiện nhận hàng Tàu Hải Thắng 18, địa điểm nhận hàng: Cảng Cái Cui, Cần Thơ, thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. Theo đó V đã cung cấp đúng mặt hàng yêu cầu, với số lượng 15.115 lít dầu DO và 01 phuy nhớt Resolub- Pro 40/CI-4 (200L), với tổng giá trị đơn hàng theo hóa đơn số 0000654 ngày 22/02/2019 là: 247.271.000 đồng, hạn thanh toán: 24/03/2019.

- Đơn đặt hàng ngày 07/03/2019, T yêu cầu cung cấp nhiên liệu, gồm 15.000 lít dầu DO và 25.000 kg dầu FO, phương tiện nhận hàng: tàu SAM 5, địa điểm nhận hàng: Cảng nhà máy xi măng Công Thanh, Đồng Nai, thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. Theo đó V đã cung cấp đúng mặt hàng yêu cầu, với số lượng 14.980 lít dầu DO và 24.917 kg Dầu FO 3.5S, với tổng giá trị đơn hàng theo hóa đơn số 0000668 ngày 07/03/2019 là: 596.387.600 đồng, hạn thanh toán: 06/04/2019.

- Đơn đặt hàng ngày 13/03/2019. T yêu cầu cung cấp nhiên liệu, gồm 40.000 lít dầu DO và 04 phuy nhớt Delo Gold Ultra SAE 15w40, phương tiện nhận hàng TÀU HẢI THÁNG 18, địa điểm nhận hàng: Cảng Cái Cui, Cần Thơ, thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. Theo đó V đã cung cấp đúng mặt hàng yêu cầu, với số lượng 39.897 lít dầu DO theo hóa đơn số 0000689 ngày 15/03/2019, số tiền: 640.745.820 đồng, hạn thanh toán: 14/04/2019. Và cũng theo đơn hàng 13/03/2019, V giao 04 phuy nhớt Delo Gold Ultra SAE 15w40 theo hóa đơn số 0000691 ngày 16/03/2019 là: 57.600.000 đồng, hạn thanh toán: 14/04/2019. Tổng số tiền còn nợ của đơn hàng ngày 13/3/2019 là 698.345.820 đồng.

Đến nay, T chưa thanh toán bất kỳ số tiền nào của 03 đơn hàng trên. Tổng số tiền V còn nợ là: 247.271.000 + 596.387.600 + 698.345.820 = 1.542.004.420 đồng.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2.2, Điều 2 của Hợp đồng số 0101 - VN - TB/HĐCU-2019, T còn phải chịu lãi suất quá hạn của số tiền chậm thanh toán bằng 1.5 lần lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank là 11,25%/năm. Tính từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm 21/06/2023, T còn phải trả tiền số tiền lãi là 729.273.989 đồng (có bảng kê kèm theo).

Tổng cộng số tiền V phải thanh toán (tạm tính đến ngày 21/6/2023) là: 1.542.004.420 đồng + 729.273.989 đồng = 2.271.278.409 đồng.

Nguyên đơn đề nghị Toà án buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền 2.271.278.409 đồng, trong đó số tiền mua xăng dầu còn nợ là 1.542.004.420 đồng, số tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính đến ngày 21/6/2023) là 729.273.989 đồng. Buộc bị đơn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa thanh toán theo thoả thuận tại hợp đồng và theo quy định của pháp luật đến khi thanh toán hết khoản nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận chứng cứ và hoà giải cũng như tại phiên toà.

Theo kết quả cung cấp thông tin của Phòng đăng ký doanh nghiệp - Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố H và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện, bị đơn T không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký là: Phòng 1906 tầng 19, Trung tâm thương mại Cát Bi Plaza, phường L, quận N, thành phố H.

Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thực hiện thủ tục Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án không nhận được bất kỳ ý kiến trả lời nào của T, vì vậy Toà án giải quyết vụ án theo thủ tụng chung.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, quan điểm của nguyên đơn giữ nguyên như nội dung yêu cầu khởi kiện nêu trên. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Thẩm phán chủ toạ phiên toà đã công bố lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người đại diên hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo định của pháp luật. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng cung ứng nhiên liệu số 0101 VN -TB/HĐCU-2019 ngày 02/01/2019 là hợp pháp, phát sinh quyền nghĩa vụ giữa các bên. Về số tiền mua bán xăng dầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán

là 1.542.004.420 đồng: Quá trình giải quyết và tại phiên toà nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ là các biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, hoá đơn Giá trị gia tăng, biên bản giao nhận hàng, đơn đặt hàng, bảng kê chi tiết về số tiền còn nợ phù hợp với yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về số tiền lãi đối với số tiền chậm trả: Do tại Hợp đồng các bên thoả thuận về việc lãi suất chậm thanh toán tiền hàng bằng 1.5 lần lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lãi đối với số tiền hàng chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21/6/2023 là 729.273.989 đồng (có bảng kê kèm theo) và tiếp tục phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo thoả thuận tại hợp đồng và quy định tại pháp luật là phù hợp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và cùng có mục đích lợi nhuận. Tại hợp đồng mua bán hàng hoá hai bên có thoả thuận Toà án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Toà án tại thành phố H, tuy nhiên thoả thuận này chưa xác định cụ thể Toà án nào tại thành phố H có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên không được chấp nhận. Vì vậy, Toà án nhân dân quận N là Toà án nơi có trụ sở của bị đơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 30, 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Toà án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền mua xăng dầu còn nợ là: 1.542.004.420 đồng.

[3] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng Mua bán hàng hoá: Hợp đồng cung ứng nhiên liệu số 0101 VN -TB/HĐCU-2019 ngày 02/01/2019 giữa V và T đã đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật, người ký kết hợp đồng đủ điều kiện giao kết hợp đồng, nội dung các thoả thuận trong hợp đồng không vi phạm quy định pháp luật và phù hợp với nghành nghề kinh doanh trong đăng ký doanh nghiệp do đó Hợp

đồng cung ứng nhiên liệu số 0101 VN -TB/HĐCU-2019 phát sinh hiệu lực giữa các bên theo quy định tại các điều 24, 34, 50 Luật Thương mại năm 2005; các điều 117; 401 Bộ luật Dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Toà án yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua xăng dầu còn nợ theo 03 đơn đặt hàng các ngày 21/02/2019, 07/03/2019, 13/03/2019 là 1.542.004.420 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ tài liệu về việc mua bán hàng hoá, cụ thể: Hợp đồng cung ứng nhiên liệu số 0101 VN - TB/HĐCU-2019 ngày 02/01/2019; Đơn đặt hàng các ngày 21/2/2019, 07/3/2019, 13/3/2019 của T; các hóa đơn GTGT số 0000654, 0000668, 0000689, 0000691; bảng kê cụ thể về số tiền còn nợ của từng đơn hàng. Các tài liệu đều thể hiện thống nhất, phù hợp với nhau xác định số tiền mua xăng dầu T còn nợ V là 1.542.004.420 đồng. Ngoài ra, tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2019 bị đơn đã xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua bán nhiên liệu là 1.542.004.420 đồng phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và các hoá đơn giá trị gia tăng, đơn đặt hàng nêu trên. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 1.542.004.420 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

- Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền lãi do chậm thanh toán nghĩa vụ:

[5] Về căn cứ tính lãi suất: Tại khoản 2.2, Điều 2 của Hợp đồng cung ứng nhiên liệu số 0101 - VN -TB/HĐCU-2019 quy định, nếu T chậm thanh toán thì còn phải chịu lãi suất quá hạn của số tiền chậm thanh toán bằng 1.5 lần lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Theo kết quả trả lời của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh H thì lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,0%/năm, vì vậy mức lãi suất chậm thanh toán theo thoả thuận của hai bên là 13,5%/năm. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn chịu mức lãi suất chậm thanh toán là 11,25%/năm thấp hơn so với mức lãi suất hai bên thoả thuận và phù hợp với quy định của tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Về thời điểm tính lãi suất và số tiền lãi chậm thanh toán: Đơn đặt hàng các ngày 21/2/2019, 07/3/2019, 13/3/2019 hai bên đều thoả thuận thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng của 3 đơn hàng trên, thể hiện V đã giao hàng đúng số lượng và thời hạn quy định. Như vậy T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và phải chịu lãi suất chậm thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng. Bảng kê xác định thời điểm quá hạn thanh toán và số ngày quá hạn thanh toán do Nguyên đơn cung cấp là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận, cụ thể số tiền lãi suất chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21/6/2023 như sau:

Đối với đơn hàng ngày 21/2/2019 (Hoá đơn GTGT số 0000654), số tiền chậm thanh toán là 247.271.000 đồng, ngày giao hàng 22/2/2019, ngày bắt đầu tính quá hạn thanh toán 25/3/2023; lãi suất chậm thanh toán là: 118.054.966 đồng.

Đối với đơn hàng ngày 07/3/2019 (Hoá đơn GTGT số 0000668), số tiền chậm thanh toán là 596.387.600 đồng, giao hàng ngày 07/3/2019, ngày bắt đầu tính quá hạn thanh toán là 07/4/2019; lãi suất chậm thanh toán là: 282.344.595 đồng.

Đối với đơn hàng ngày 13/3/2019 (gồm hai Hoá đơn GTGT); Hoá đơn số 0000691 có số tiền chậm thanh toán là 57.600.000 đồng, giao hàng ngày 16/3/2019, ngày bắt đầu tính quá hạn thanh toán là 16/4/2019; lãi suất chậm thanh toán là: 27.109.479 đồng; Hoá đơn số 0000689 có số tiền chậm thanh toán là 640.745.820 đồng, giao hàng ngày 15/3/2019, ngày bắt đầu tính quá hạn thanh toán là 15/4/2019; lãi suất chậm thanh toán là: 301.764.949 đồng. Tổng số tiền lãi chậm thanh toán của đơn hàng ngày 13/3/2019 là 328.74.428 đồng.

Tổng số tiền lãi suất chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21/6/2023 là: 118.054.966 + 282.344.595 + 328.74.428 đồng = 729.273.989 đồng.

[7] Như vậy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn thanh toán trả nguyên đơn số tiền mua xăng dầu còn nợ là: 1.542.004.420 đồng, lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: 729.273.989 đồng, tổng cộng: 2.271.278.409 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền mua xăng dầu chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thoả thuận tại hợp đồng (bằng 1.5 lần lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi chậm thanh toán chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[8] Về án phí*:* Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể bị đơn phải chịu số tiền án phí là: 72.000.000đồng + 2% (2.271.278.409 đồng – 2.000.000.000 đồng) = 77.425.568 đồng. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự đã

nộp là 36.484.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006691 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 146, 147, 210, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 117, 401, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào các điều 24, 34, 50 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần VP:

1. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Hàng Hải T phải thanh toán trả Công ty Cổ phần VP tổng số tiền: 2.271.278.409 (*hai tỷ, hai trăm bẩy mươi mốt triệu, hai trăm bẩy mươi tám nghìn, bốn trăm linh chín*) đồng, trong đó số tiền mua xăng dầu còn nợ là: 1.542.004.420 *(một tỷ, năm trăm bốn mươi hai triệu, không trăm linh bốn nghìn, bốn trăm hai mươi)* đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán (tạm tính đến ngày 21/6/2023) là: 729.273.989 (*bảy trăm hai mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi chín*) đồng, theo Hợp đồng cung ứng nhiên liệu số 0101 VN -TB/HĐCU-2019 ngày 02/01/2019 giữa các bên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền mua xăng dầu chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thoả thuận tại hợp đồng (bằng 1.5 lần lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi chậm thanh toán chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Buộc Công ty TNHH Thương mại và Hàng Hải T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 77.425.568 (*bảy mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi năm nghìn, năm trăm sáu mươi tám*) đồng.

- Trả lại Công ty Cổ phần VP số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 36.484.000 (*ba mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006691 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần VP, bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Hàng Hải T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận N;
- Chi cục THA DS quận N;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị H

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị H

Nơi nhận:
- VKSND quận N;
- Chi cục THA DS quận N;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang